

Số 310/TT-STNMT

Điện Biên, ngày 20 tháng 11 năm 2018

TỜ TRÌNH

Đề nghị thẩm định Phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình: Trụ sở làm việc Ban Quản lý dự án các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Điện Biên

Kính gửi: Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 1 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, thẩm định phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất;

Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Trụ sở làm việc Ban Quản lý dự án các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Điện Biên; Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Trụ sở làm việc Ban QLDA các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Điện Biên;


Sở Tài nguyên và Môi trường trình Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh thẩm định giá đất cụ thể như sau:

- Đất ở đô thị: Đường bê tông có khổ rộng từ 3m đến dưới 5m- vị trí 1: 2.500.000 đồng/m²;

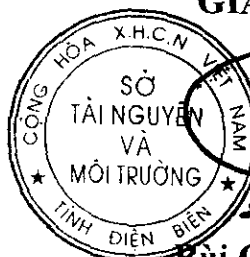
- Đất bằng trồng cây hàng năm khác (HNK, BHK), vị trí 1: 72.000 đồng/m²

Đề nghị Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh thẩm định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo sở;
- Lưu: VT, CCQLĐĐ, TTPTQĐ. 

GIÁM ĐỐC



Bùi Châu Tuấn

Điện Biên, ngày 20 tháng 11 năm 2018

BÁO CÁO THUYẾT MINH

Phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình: Trụ sở Ban QLDA các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Điện Biên

1. Căn cứ xác định giá đất:

Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; các Thông tư hướng dẫn Nghị định của chính phủ có liên quan;

Thông tư liên tịch số 87/2016/TTLT-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, thẩm định phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất;

Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Trụ sở làm việc Ban QLDA các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Điện Biên; Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Trụ sở làm việc Ban QLDA các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Điện Biên;

Tờ trình số 20/TTr-BQLDA ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Ban QLDA các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Điện Biên;

Báo cáo số 90/BC-TTPTQĐ ngày 14/11/2018 của Trung tâm phát triển quỹ đất.

2. Mục đích định giá đất và các thông tin về thửa đất cần định giá.

2.1. Mục đích định giá đất cụ thể: Để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

2.2. Thông tin về các thửa đất cần định giá và tính pháp lý.

a) Thông tin về các thửa đất cần xác định giá:

- Các thửa đất xác định giá cụ thể nằm trên địa bàn phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ, thuộc trích lục bản đồ địa chính khu đất dự án xây dựng công trình trụ sở làm việc BQLDA các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Điện Biên - Tờ bản đồ số 24 - Phường Noong Bua - Tọa độ VN 2000 do Văn phòng đăng ký đất đai trích lục ngày 05 tháng 9 năm 2018;

- Nhu cầu sử dụng đất của dự án là: 1.525,7m², tổng số thửa đất phải thu hồi là: 08 thửa, cụ thể như sau:

- Tổng số thửa đất cần xác định giá: 04 thửa, bao gồm:

+ Đất ở tại đô thị (ODT): 03 thửa;

+ Đất ở tại đô thị

+ đất bằng trồng cây hàng năm khác (ODT + HNK, BHK): 01 thửa;

- Tổng số thửa đất không xác định giá: 04 thửa bao gồm các loại đất: Đất an ninh (CAN), đất Y tế (DYT), đất giao thông (DGT), đất trụ sở cơ quan (TSC)

- Khu vực thực hiện dự án thu hồi 03 thửa đất ở tại đô thị: thửa số 16 bóm đường bê tông 4,0m; thửa số 34 bóm đường bê tông 3m; thửa số 39 bóm đường bê tông 3,5m.

+ Đất ở tại đô thị, đường bê tông có khổ rộng từ 3m đến dưới 5m: vị trí 1

+ Đất bằng trồng cây hàng năm khác (HNK, BHK): vị trí 1

b) Tính pháp lý của thửa đất cần định giá.

Các thửa đất cần thu hồi để thực hiện dự án đang được trực tiếp sử dụng ổn định, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

3. Đánh giá tình hình và kết quả điều tra, tổng hợp thông tin về giá đất thị trường.

3.1. Kết quả điều tra:

Tổng số phiếu điều tra đối với 02 loại đất là 6 phiếu trong đó:

- Đất ở tại đô thị (ODT), đường bê tông có khổ rộng từ 3m đến dưới 5m - vị trí 1: Điều tra 3 phiếu;

- Đất bằng trồng cây hàng năm khác (HNK, BHK) - vị trí 1: Điều tra 3 phiếu

3.2. Tổng hợp thông tin:

* Đối với đất ở tại đô thị: điều tra các giao dịch thành công trên thị trường:

ST T	Người chuyển nhượng	Người nhận chuyển nhượng	Diện tích (m ²)	Số tiền chuyển nhượng trong hợp đồng (Đồng)	Số tiền chuyển nhượng điều tra thực tế (Đồng)	Thời điểm chuyển nhượng
1.	Nguyễn Mạnh Thắng, Trịnh Thị Hạnh	Nguyễn Xuân Trường	120	5.000.000	260.000.000	Tháng 6 năm 2017

2	Nguyễn Văn Hoàng Lò Thị Nga	Sin Thị Duyên	89,2	125.000.000	190.000.000	Tháng 8 năm 2017
3	Lò Văn Bánh Lò Thị Chung	Trần Trung Thành	89,4	100.000.000	220.000.000	Tháng 7 năm 2017

*** Đối với đất nông nghiệp:**

Căn cứ chi phí đầu tư vào đất, năng suất bình quân của cây trồng, vật nuôi giá bán bình quân các sản phẩm trên thị trường so với lãi suất tiền gửi bình quân một năm tính đến thời điểm định giá đất của loại tiền gửi (VNĐ) kỳ hạn 12 tháng tại ngân hàng thương mại nhà nước là 6,7% thời gian thu nhập thông tin trong 03 năm liên tục;

Qua điều tra, khảo sát đã thu thập được các thông tin liên quan đến đất nông nghiệp như sau:

- Năng suất bình quân của rau cải bắp trồng trên đất trồng cây hàng năm khác là 62 tạ/ha; Giá bán bình quân trên thị trường là 11.000 đồng/kg; Chi phí bình quân là 2.008.333 đồng/1000m².

4. Áp dụng phương pháp định giá đất.

- Đất ở: áp dụng phương pháp so sánh trực tiếp;
- Đất nông nghiệp: Áp dụng theo phương pháp thu nhập

5. Kết quả xác định giá đất và đề xuất phương án giá đất cụ thể.

a) Kết quả xác định giá đất:

*** Đối với đất ở tại đô thị:**

- Đường bê tông có khổ rộng từ 3m đến dưới 5m, vị trí 1 khảo sát thị trường thu thập được các thông tin như sau:

Thửa đất cần định giá A là thửa đất số 16, tờ bản đồ số 24, phường Noong Bua, vị trí 1 đường bê tông có bề rộng mặt đường là 4,0m;

Thửa đất so sánh B là thửa đất số 74, TBD số 24, bản Noong Bua, phường Noong Bua, vị trí 1 đường bê tông 3m;

Thửa đất so sánh C là thửa đất 127, TBD số 44, bản Hồng Lú, phường Noong Bua, vị trí 1, đường bê tông 3m;

Thửa đất so sánh D là thửa đất số 37, TBD số 43, bản Hồng Lú, phường Noong Bua, vị trí 1, thửa đất tiếp giáp 2 mặt đường là đường bê tông 2,5m và đường bê tông 1,5m;

TT	ĐẶC ĐIỂM BĐS	Thửa đất cần định giá A	Thửa đất SS B	Thửa đất SS C	Thửa đất SS D
1	Địa chỉ	P. Noong Bua	Bản Noong Bua, P. Noong Bua	Bản Hồng Lú, P. Noong Bua	Bản Hồng Lú, P. Noong Bua

2	Nguồn tin	Khảo sát	Nguyễn Xuân Trường - bản Noong Bua - P. Noong Bua	Nguyễn Văn Hoàng - Thanh Luông, Điện Biên	Trần Trung Thành - P. Mường Thanh
3	Mục đích sử dụng	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại đô thị
4	Vị trí	Xa chợ, trường học, bệnh viện. Tập trung đông dân cư.	Xa chợ, trường học, bệnh viện. Tập trung đông dân cư.	Xa chợ, trường học, bệnh viện. Tập trung đông dân cư.	Xa chợ, trường học, bệnh viện. Tập trung đông dân cư.
5	Giao thông	Đường bê tông có bề rộng mặt cắt 4,0m	Đường BT có bề rộng mặt đường là 3 m	Đường BT có bề rộng mặt đường là 3 m	Tiếp giáp 2 đường: BT 2,5 m và BT 1,5m
6	Thời điểm chuyển nhượng		Tháng 6 năm 2017	Tháng 8 năm 2017	Tháng 7 năm 2017
7	Diện tích, kích thước				
	Diện tích đất (m ²)	100	120	89,2	89,4
	Mặt tiền (m)	5	5	4,25	4,5
	Chiều sâu (m)	20	24,0	21,0	19,9
8	Tài sản trên đất		Không có	Không có	Không có
9	Tình trạng pháp lý về quyền sử dụng đất	Đủ điều kiện cấp giấy	Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
10	Các yếu tố hạ tầng				
	Điện, cấp thoát nước sinh hoạt - nước thải, hệ thống thông tin liên lạc	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường
11	Giá trị thửa đất tại thời điểm chuyển nhượng (đồng)	<i>Cần xác định</i>	260.000.000	190.000.000	220.000.000
12	Giá đất tại thời điểm chuyển nhượng (đồng/m²)	<i>Cần xác định</i>	2.166.667	2.130.045	2.460.850

* Phân tích, so sánh, điều chỉnh mức giá do các yếu tố khác biệt của các thửa đất so sánh với thửa đất cần định giá:

- Lựa chọn yếu tố giống nhau và khác nhau: kết quả điều tra cho thấy thửa đất cần định giá và 03 thửa đất so sánh có 03 yếu tố giống nhau (mục đích sử dụng đất, vị trí đất, yếu tố hạ tầng); có 02 yếu tố khác biệt (giao thông, diện tích kích thước);

- Điều chỉnh mức giá do các yếu tố khác biệt của thửa đất so sánh với thửa đất cần định giá:

+ So sánh về yếu tố giao thông:

Thửa đất A (tiếp giáp mặt đường bê tông 4,0m) ngang bằng với thửa đất SS D (tiếp giáp 2 mặt đường : BT 2,5m và BT 1,5m) hơn 2 thửa đất SS B, SS C (tiếp giáp đường BT có bề rộng mặt đường là 3 m) là 10%;

Giá của thửa đất cần định giá A là 100% thì giá của thửa đất D là 100%; thửa đất B là 90%, thửa đất C là 90%

Tỷ lệ điều chỉnh của 2 thửa đất so sánh B, C là:

$$\frac{100\% - 90\%}{90\%} = 11,11\%$$

+ So sánh về yếu tố diện tích, kích thước:

Thửa đất cần định giá A bằng thửa đất SS B (có kích thước mặt tiền là 5m) hơn

thửa đất SS C (có kích thước mặt tiền là 4,25m) là 5%, hơn thửa đất SS D (có kích thước mặt tiền là 4,5m) là 3%;

Thửa đất cần định giá A (có chiều sâu là 20m) hơn thửa đất SS B (có chiều sâu là 24m) là 4%, hơn thửa đất SS C (có chiều sâu là 20,99m) là 2%, kém thửa đất SS D (có chiều sâu là 19,87m) là 2%;

Giá của thửa đất cần định giá A là 100% các thửa đất so sánh B, C, D sẽ lần lượt là: 96%; 93%; 99%:

Tỷ lệ điều chỉnh của thửa đất so sánh B là: $\frac{100\% - 96\%}{96\%} = 4,17\%$;

Tỷ lệ điều chỉnh của thửa đất so sánh C là: $\frac{100\% - 93\%}{93\%} = 7,53\%$;

Tỷ lệ điều chỉnh của thửa đất so sánh D là: $\frac{100\% - 99\%}{99\%} = 1,01\%$;

- Ước tính giá của thửa đất cần định giá:

TT	YẾU TỐ SO SÁNH	Thửa đất cần định giá	Thửa đất SS B	Thửa đất SS C	Thửa đất SS D
----	----------------	-----------------------	---------------	---------------	---------------

		A			
1	Diện tích (m ²)		120,0	89,20	89,40
2	Giá trị thửa đất đưa về thời điểm xác định giá tháng 11/2018 (đồng)	Cần xác định	260.000.000	190.000.000	220.000.000
3	Giá đất chuyển nhượng đưa về thời điểm xác định giá tháng 11/2018 (đồng/m ²)	Cần xác định	2.166.667	2.130.045	2.460.850
4	Điều chỉnh các yếu tố so sánh				
4.1	Vị trí	Xa chợ, trường học, bệnh viện. Tập trung đông dân cư.	Xa chợ, trường học, bệnh viện. Tập trung đông dân cư.	Xa chợ, trường học, bệnh viện. Tập trung đông dân cư.	Xa chợ, trường học, bệnh viện. Tập trung đông dân cư.
	Tỷ lệ	100%	100%	100%	100%
	Tỷ lệ điều chỉnh (%)		0,00%	0,00%	0,00%
	Mức điều chỉnh (đồng/m ²)		0	0	0
4.2	Giao thông	Đường bê tông có bề rộng mặt cắt 4,0m	Đường BT có bề rộng mặt cắt đường là 3 m	Đường BT có bề rộng mặt cắt đường là 3 m	Tiếp giáp 2 mặt đường: BT 2,5 m và BT 1,5m
	Tỷ lệ	100%	90%	90%	100%
	Tỷ lệ điều chỉnh (%)		11,11%	11,11%	0,00%
	Mức điều chỉnh (đồng/m ²)		240.741	236.672	0
4.3	Diện tích, kích thước				
	Mặt tiền (m)	5,00	5,00	4,25	4,50
	Chiều sâu (m)	20,00	24,00	20,99	19,87
	Tỷ lệ	100%	96%	93%	99%
4.4	Tỷ lệ điều chỉnh (%)		4,17%	7,53%	1,01%
	Mức điều chỉnh (đồng/m ²)		90.278	160.326	24.857
	Yếu tố hạ tầng				
	Điện, cấp thoát nước sinh hoạt - nước thải, hệ thống thông tin liên lạc	Bình thường	Bình thường	Bình thường	Bình thường

Tỷ lệ	100%	100%	100%	100%
Tỷ lệ điều chỉnh (%)		0,00%	0,00%	0,00%
Mức điều chỉnh (đồng/m ²)		0	0	0
Giá đất ước tính của thửa đất cần định giá theo từng thửa đất so sánh (đồng/m ²)	2.503.478	2.497.685	2.527.042	2.485.707
Tỷ lệ điều chỉnh chung (%)		0,23%	-0,93%	0,71%
Giá đất lấy tròn	2.500.000			

Giá đất của thửa đất A bảo đảm chênh lệch với các giá đất ước tính không quá 10%.

Kết luận: Giá đất cụ thể của thửa đất cần định giá A là 2.500.000 đồng/m².

*** Đối với đất nông nghiệp:**

Đất bằng trồng cây hàng năm khác - vị trí 1 phường Noong Bua (tính thu nhập cho thửa đất có diện tích 1000m², loại cây trồng là rau cải bắp):

Nội dung	Đơn vị tính	2015	2016	2017
Sản lượng thu hoạch	Kg	620,0	619,0	621,0
Giá bán bình quân năm	đồng/kg	10.000	11.000	12.000
Tổng thu nhập	đồng	6.200.000	6.809.000	7.452.000
Chi phí sản xuất	đồng	1.998.300	2.000.300	2.027.000
Lãi suất tiền gửi tiết kiệm	%/năm	7	6	7

Việc xác định giá đất theo phương pháp thu nhập thực hiện như sau:

- Thu nhập bình quân một năm:

$$\frac{6.200.000 + 6.809.000 + 7.452.000}{3}$$

$$= 6.820.333 \text{ đồng}$$

- Chi phí bình quân một năm:

$$\frac{1.998.300 + 2.000.300 + 2.027.000}{3}$$

$$= 2.008.333 \text{ đồng}$$

- Thu nhập ròng bình quân một năm:

$$6.820.333 \text{ đồng} - 2.008.333 \text{ đồng} = 4.811.800 \text{ đồng}$$

- Lãi suất tiền gửi tiết kiệm bình quân một năm là:

$$\frac{7\% + 6\% + 7\%}{3} = 6,7\%$$

- Giá trị của thửa đất cần định giá là:

$$\text{Giá trị của thửa đất cần định giá} = \frac{4.811.800 \text{ đồng}}{6,7} \times 100 = 72.177.000 \text{ đồng}$$

- Giá đất của thửa đất cần định giá là:

$$\text{Giá đất của thửa đất cần định giá} = \frac{72.022.500 \text{ đồng}}{1.000\text{m}^2} = 72.177 \text{ đồng/m}^2$$

Làm tròn: 72.000 đồng/m²

Kết luận: Giá đất của thửa đất cần định giá là 72.000 đồng/m²

* So sánh giá đất điều tra với giá đất UBND tỉnh quy định.

STT	Loại đất	Giá đất cụ thể (1.000 đồng/m ²)	Giá đất của UBND tỉnh quy định (1.000 đồng/m ²)	So sánh (%)
1	Đường bê tông có khổ rộng từ 3m đến dưới 5m, vị trí 1	2.500	1.520	164
2	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (HNK, BHK), vị trí 1	72	58	124

b) Đề xuất phương án giá đất cụ thể.

- Đất ở đô thị: Đường bê tông có khổ rộng từ 3m đến dưới 5m- vị trí 1: 2.500.000 đồng/m²;

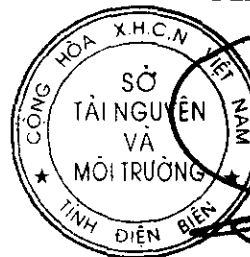
- Đất bằng trồng cây hàng năm khác (HNK, BHK), vị trí 1: 72.000 đồng/m²

6. Đánh giá tác động về kinh tế - xã hội của phương án giá đất

Giá đất cụ thể đề nghị tương đối phù hợp với giá thị trường trong điều kiện bình thường, với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương nơi có đất bị thu hồi, đảm bảo hài hòa lợi ích của người sử dụng đất, nhà nước và nhà đầu tư.

Sở Tài nguyên và Môi trường trình Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh./.

GIÁM ĐỐC



Bùi Châu Tuấn

Số: /QĐ-UBND

Điện Biên, ngày tháng 11 năm 2018

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình: Trụ sở làm việc Ban Quản lý dự án các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 1 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Thông tư số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, thẩm định phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Trụ sở làm việc Ban QLDA các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Trụ sở làm việc Ban QLDA các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Điện Biên;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-STNMT ngày tháng 11 năm 2018 và Thông báo số /TB-HĐTĐGD ngày tháng 11 năm 2018 của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh về kết quả thẩm định phương án giá đất xây dựng công trình: Trụ sở làm việc Ban Quản lý dự án các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Điện Biên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình: Trụ sở làm việc Ban QLDA các công trình dân dụng và Công nghiệp tỉnh Điện Biên, như sau:

- Đất ở đô thị: Đường bê tông có khổ rộng từ 3m đến dưới 5m, vị trí 1: 2.500.000 đồng/m²;

- Đất bằng trồng cây hàng năm khác (HNK, BHK), vị trí 1: 72.000 đồng/m²

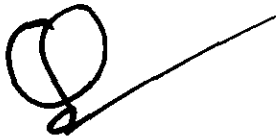
Điều 2: Căn cứ giá đất cụ thể được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này UBND thành phố Điện Biên Phủ có trách nhiệm phối hợp với các sở ngành, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Điện Biên Phủ; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**